

Tờ hướng dẫn sử dụng

CamlyHEPATINsof

THÀNH PHẦN:

Mỗi viên nang mềm CamlyHEPATINsof chứa:

Hoạt chất: L-Ornithin L-Aspartat	80,0 mg
Vitamin B1	10,0 mg
Vitamin B6	1,0 mg
Vitamin C	75,0 mg
Vitamin E	50,0 mg

Tá dược: Dầu nành, dầu cọ, lecithin, sáp ong, gelatin, sorbitol lỏng, glycerin, nước tinh khiết, ethyl vanillin, methyl paraben, propyl paraben, oxyd sắt đỏ, oxyd sắt vàng, oxyd sắt nâu vừa đủ 1 viên.

TÍNH CHẤT:

L-Ornithin L-Aspartat

Là sự kết hợp hai amino acid quan trọng trong chu trình chuyển hóa gan. L-Ornithin L-Aspartat kích thích sự sản xuất acid uric trong chu trình urê ở gan và kích thích việc sản xuất glutamin làm giảm thiểu nồng độ amoniac trong máu. Glutamin tham gia vào quá trình tổng hợp protein trong dạ dày, ruột và các mạch máu, duy trì chức năng bảo vệ niêm mạc ruột, tăng cường đáp ứng miễn dịch. L-Ornithin L-Aspartat giảm sản xuất và hấp thụ amoniac trong ruột, tăng sự chuyển hóa của amoniac trong các mô.

Vitamin B1 (thiamin)

Vitamin B₁ vào cơ thể chuyển hoá thành thiamin pyrophosphat, là coenzym có hoạt tính sinh học. Coenzym này tham gia vào chuyển hoá carbohydrat làm nhiệm vụ khử carboxyl của các alpha - cetoacid như pyruvat và alpha - cetoglutarat và trong việc sử dụng pentose trong chu trình hexose monophosphat. Vitamin B₁ được hấp thu qua đường tiêu hoá sau đó được phân bố tới các mô và sữa. Sau khi tham gia chuyển hoá được đào thải qua nước tiểu.

Vitamin B6

Vitamin B₆ khi vào được cơ thể chuyển hoá thành pyridoxal phosphat và pyridoxamyl phosphat. Nó tham gia vào chuyển hoá protein, glucid, lipid. Vitamin B₆ còn tham gia vào sự tổng hợp acid gamma - aminobutyric (GABA) trong hệ thần kinh trung ương và tham gia tổng hợp hemoglobulin. Thiếu hụt vitamin B₆ dẫn đến thiếu máu nguyên bào sắc, viêm dây thần kinh ngoại vi, viêm da. Nhu cầu vitamin B₆ của cơ thể tăng khi nghiện rượu, suy tim, nhiễm khuẩn, bệnh đường ruột, người mang thai và cho con bú. Vitamin được hấp thu qua đường tiêu hoá, dự trữ gan, cơ, não và được thải trừ chủ yếu qua thận.

Vitamin C

Tham gia vào sự tạo thành collagen, tu sửa mô trong cơ thể, tham gia vào các phản ứng oxy hoá-khử; tham gia trong chuyển hoá phenylalanin, tyrosin, acid folic, norepinephrin, histamin, sắt và 1 số hệ thống enzym chuyển hoá thuốc, trong sử dụng carbohydrat, trong tổng hợp protein, lipid, trong chức năng miễn dịch, trong đề kháng với nhiễm khuẩn, trong giữ gìn toàn vẹn của mạch máu và hô hấp tế bào. Thiếu hụt vitamin C dẫn đến bệnh scorbut, trong đó có sự sai sót tổng hợp collagen với biểu hiện vết thương lâu lành, khiếm khuyết về cấu tạo răng, vỡ mao mạch gây nhiều đốm xuất huyết, chảy máu dưới da và niêm mạc (chảy máu lợi). Vitamin C được hấp thu ở dạ dày và ruột, phân bố tới các mô và thải trừ qua nước tiểu.

Vitamin C được dùng để phòng và điều trị bệnh do thiếu vitamin C; phối hợp với desferrioxamin để làm tăng thêm đào thải sắt trong điều trị bệnh thalassemia; methemoglobin huyết vô căn khi không có sản xanh methylen và các chỉ định khác như phòng cúm, chống liên vết thương.

Vitamin E

Dùng để hỗ trợ trong trường hợp thiếu vitamin E (chế độ ăn thiếu vitamin E, trẻ em bị xơ nang tuyến tụy hoặc kém hấp thu mỡ do teo đường dẫn mật hoặc thiếu betalipoprotein huyết, trẻ sơ sinh thiếu tháng rất nhẹ cân khi đẻ). Các dấu hiệu chính thiếu vitamin E là các biểu hiện về bệnh cơ và thần kinh như giảm phản xạ, dáng đi bất thường, giảm nhạy cảm với rung động cảm thụ bản thân, liệt cơ mắt, bệnh võng mạc nhiễm sắc tố, thoái hoá sợi trục thần kinh. Vitamin E cũng có tác dụng chống oxy hoá.

CHỈ ĐỊNH:

Điều trị hỗ trợ trong các trường hợp rối loạn chức năng gan cấp và mãn tính như: suy gan kịch phát, xơ gan, gan nhiễm mỡ, viêm gan.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:

Cách dùng: Bằng đường uống.

Liều lượng: Người lớn: 1 viên/lần, 2 lần/ngày.

Liều có thể điều chỉnh tùy theo tuổi và theo tình trạng của bệnh nhân.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Người bị thiếu hụt G6PD, người có tiền sử sỏi thận, tăng oxalat niệu và loạn chuyển hóa oxalat, bệnh thalassemia.

THẬN TRỌNG:

Thận trọng khi sử dụng.

Nếu những phản ứng bất thường xảy ra, ngưng dùng thuốc hoặc hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.

Phụ nữ có thai và cho con bú.

Trẻ em và trẻ nhũ nhi nên được dùng thuốc dưới sự giám sát của người lớn.

Thận trọng chung: tuân theo đúng liều lượng và cách dùng.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

Buồn nôn và nôn thoáng qua.

Trong trường hợp bị rối loạn dạ dày hay táo bón do dùng thuốc, nên ngừng sử dụng thuốc và hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.

Tăng oxalat - niệu, buồn nôn, nôn, ợ nóng, co cứng cơ bụng, mệt mỏi, đỏ bừng, nhức đầu, mất ngủ và tình trạng buồn ngủ đã xảy ra.

Liều cao có thể gây tiêu chảy, đau bụng và các rối loạn tiêu hóa khác và cũng có thể gây mệt mỏi.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ: Thận trọng khi sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú.

QUÁ LIỀU: Chưa có báo cáo về trường hợp quá liều.

BẢO QUẢN: Nơi khô mát, dưới 30°C, tránh ánh sáng.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất. Không sử dụng thuốc quá hạn sử dụng.

ĐÓNG GÓI: Hộp 12 vỉ x 5 viên. Hộp 6 vỉ x 5 viên. Hộp 10 vỉ x 3 viên.

TIÊU CHUẨN: Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

**ĐỂ XA TÀM TAY CỦA TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ**



Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM

Số 43, Đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore,
phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
ĐT: 02743 769 606 - Fax: 02743 769 601